

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 19 - 01 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Hà Thị Thuỷ**

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 10/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 165 ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: **Ông Trần Minh C, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)**

Địa chỉ: Ấp R 1, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 10/05/2023)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng D, sinh ngày 01/12/1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1000/14 đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Hồng P, sinh ngày 10/11/1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1000/14 đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Trần Minh C trình bày:**

Vào ngày 22/10/2020, ông Nguyễn Hồng D cho rằng gia đình khó khăn nên có đến gặp và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất hai bên thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay 01 năm sẽ trả vốn, lãi suất đóng hàng tháng, có làm biên nhận giữa hai bên, tuy nhiên từ khi vay đến nay ông D đóng được 04 tháng tiền lãi = 20.000.000 đồng, không có trả tiền gốc, bà L có nhiều lần nhắc nhở việc trả tiền nhưng ông D không trả.

Nay bà L yêu cầu ông Nguyễn Hồng D và vợ là bà Mai Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền vay còn nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và ý kiến trình bày đối với vụ án của người đại diện uỷ quyền ông Trần Minh C đề ngày 07/01/2024 yêu cầu xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu ông Nguyễn Hồng D trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay còn nợ gốc 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi xuất và không yêu cầu bà Mai Thị P liên đới cùng ông Nguyễn Hồng D trả số tiền còn nợ trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng ông D, bà P vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hồng D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị P không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tại Tòa án. Mặc dù, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông D và bà P cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Minh C có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 07/01/2024, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn ông C và bị đơn ông D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn

Hồng D trả số tiền còn nợ 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" và quá trình giải quyết vụ án ông D, có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang; theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[3] Nội dung vụ án: Ông Nguyễn Hồng D có ký vào giấy cho vay tiền ngày 22/10/2020 vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, lãi suất đóng hàng tháng, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm sẽ trả vốn, tuy nhiên từ khi vay đến nay ông D đóng được 04 tháng tiền lãi = 20.000.000 đồng, không có trả tiền gốc, bà L có nhiều lần nhắc nhở việc trả tiền nhưng ông D không trả.

[4] Xét giao dịch dân sự giữa bà L và ông D là dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi xác lập hợp đồng các đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên khi xảy ra tranh chấp, Tòa án áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản được quy định các Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết cho các đương sự.

Xét thấy, các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, ông D đã được nhận đủ tiền vay theo hợp đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông D **không thanh** toán theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông D vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn bà L với bị đơn ông D là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của đại diện nguyên đơn ông C xin rút yêu cầu bà Mai Thị P cùng liên đới với ông D trả nợ, việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được chấp nhận, nên ông D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch như sau: 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng D.

1. Buộc ông Nguyễn Hồng D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), không tính lãi suất.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng D phải chịu là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002765 ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

